TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAN LỘC** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2020/HNGĐ-ST
Ngày:10-02-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:Ông Phạm Thành Trung, bà Nguyễn Thị Diên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên toà:Ông Lê Thuần Thắng -Kiểm sát viên.

Ngày10/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:110/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2019về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày24/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2020giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị A; Sinh năm 199x; huyện A , tỉnh N; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Nguyễn Xuân B; Sinh năm 197x; Địa chỉ: Xóm Bình Yên, xã Xuân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn Phan Thị Ayêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị A yêu cầu được ly hôn với A Nguyễn Xuân B vì sau khi kết hôn vợ chồng chỉ sống chung khoảng 5 tháng và đã ly thân được hơn 04 năm. Vợ chồng không còn tình cảm nên chị A yêu cầu được ly hôn với A Bài để ổn định cuộc sống.

- Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị Phan Thị A yêu cầu Tòa án giao con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Thái V, sinh ngày 29/3/201x cho chịA tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con vì bản thân làm nghề buôn bán, có thu nhập đủ sống và nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vợ chồng không có nợ chung, không có tài sản chung.

Bị đơn Nguyễn Xuân B đã được Ủy ban nhân dân xã X tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án,Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Khi nhận văn bản, anh B có nói với cán bộ thực hiện việc

tống đạt văn bản tố tụng là không đồng ý ly hôn nhưng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc theo triệu tập của Tòa án.

Ủy ban nhân dân xã X cung cấp thông tin như sau: "Chị Phan Thị A và A Nguyễn Xuân B đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 14/7/2014. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thái V, sinh ngày 29/3/201x nhưng đến ngày 14/7/2014 mới đăng ký khai sinh. Vợ chồng chỉ chung sống tại địa phương trong một thời gian ngắn rồi chị A đưa con về bố mẹ đẻ sinh sống. Ngày 20/8/2018, chị A làm thủ tục chuyển hộ khẩu thường trú của chị A và cháu V về thị trấn A , hiện nay chị A và cháu V không còn sinh sống tại địa phương".

Theo văn bản do chị Phan Thị A cung cấp, Hiệu trưởng trường mầm non thị trấn A xác nhận: "Cháu Nguyễn Thái V đã theo học tại nhà trường liên tục từ năm học 2017-2018 cho đến nay. Hiện cháu Việt đang học lớp 5 tuổi B, các khoản đóng góp đã đóng đến thời điểm tháng 11/2019".

Đối với vụ án này Toà án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không có lý do đồng thời nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa,nguyên đơn đềuthực hiện đúngquyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.Bị đơn Nguyễn Xuân B không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phan Thị A ly hôn với A Nguyễn Xuân B; Giao cháu Nguyễn Thái V cho chị Phan Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung; Về án phí: Chị Phan Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Bị đơn Nguyễn Xuân B có hộ khẩu thường trú tại huyện C, tỉnh H. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

Bị đơn đã được Ủy ban nhân dân xã X tống đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi nhận thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, anh B có ý kiến từ chối nhận các văn bản của Tòa án, thể hiện thái độ không hợp tác và dọa đánh cán bộ tống đạt văn bản tố tụng. Tòa án đã tiến hành niêm yết kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa tại trụ sở trụ sở Tòa án

nhân dân huyện C, trụ sở Uỷ ban nhân dân xã X và nơi cư trú của anh B mỗi văn bản 15 ngày kể từ ngày niêm yết.Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 17/01/2020, bị đơn Nguyễn Xuân B vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày 10/02/2020.Tại phiên tòa hôm naynguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị A và A Nguyễn Xuân B:

Chị Phan Thị A và A Nguyễn Xuân B tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Việc chị Phan Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hội đồng xét xử nhận định cuộc sống chung của chị A và anh Bài không còn tồn tại, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chị A kiên quyết yêu cầu ly hôn còn anh B đã được thông báo về việc nội dụng vụ án nhưng không có hành động gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình, không tham gia làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án cho thấy A Bài cũng bỏ mặc hôn nhân của mình. Hôn nhân của chị A và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Phan Thị A ly hôn anh Nguyễn Xuân B.

[3] Về nuôi con chung sau khi ly hôn:

Tòa án không làm việc được với bị đơn nên không nắm bắt được nguyện vọng của A B về việc nuôi con chung. Tuy nhiên, cháu Nguyễn Thái V đang học tập, sinh sống ổn định tại thị trấn A. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị A, giao con chung cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung, bị đơn không có ý kiến gì nên hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị A phải chịutiền án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;khoản 1Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238,Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3,Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Phan Thị A ly hôn anh Nguyễn Xuân B.

2.Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Giao cháu Nguyễn Thái V, sinh ngày 29/3/2014 cho chị Phan Thị Atiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Việt thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. anh Nguyễn Xuân B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu V được sống chung với chị Phan Thị A. Chị Phan Thị A và các thành viên gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Việt.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án.Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Phan Thị A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001459 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Phan Thị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phan Thị A và A Nguyễn Xuân B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- UBNDxã Xuân Lộc;
- UBND thị trấn A Sơn;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thanh